

QUAN HỆ HỢP TÁC KINH TẾ VIỆT NAM - LÀO TỪ 1991 ĐẾN 2005

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NAM*

Quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào có những bước phát triển quan trọng kể từ khi cả hai nước chuyển sang thời kỳ đổi mới (1986). Song trong 5 năm đầu đổi mới (1986 - 1991) do mới chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, điều chỉnh cơ cấu kinh tế và quan hệ kinh tế đối ngoại, hai nước chuyển dần sang cơ chế và phương thức hợp tác mới nên hiệu quả chưa cao.

Thời kỳ chuyển đổi, hợp tác kinh tế vẫn mang tính thân giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau, giải quyết các vấn đề tình thế theo vụ việc, đáp ứng yêu cầu cấp bách để ổn định và phát triển kinh tế.

Từ năm 1992, khi công cuộc đổi mới ở mỗi nước đã bắt đầu phát huy hiệu quả tích cực đã tạo đà cho quan hệ hợp tác giữa hai nước thực hiện theo kế hoạch của chiến lược và chương trình hợp tác cụ thể. Bên cạnh việc hỗ trợ kỹ thuật và viện trợ không hoàn lại, hai bên đã chú trọng dành ưu tiên, ưu đãi cho nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại. Từ khi hai nước chuyển đổi nền kinh tế theo

hướng thị trường, trình độ phát triển kinh tế của hai nước được nâng lên thì mối quan hệ hợp tác giữa hai nước cũng trở nên đa dạng, phong phú hơn. Từ năm 1996 đến 2000, quan hệ hợp tác giữa hai nước được cụ thể hoá bằng Hiệp định và Chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật do Chính phủ hai nước ký kết. Mặc dù còn khó khăn về kinh tế, hàng năm Chính phủ Việt Nam vẫn dành một khoản viện trợ không hoàn lại từ 50 đến 70 tỷ VNĐ (khoảng 5 - 6 triệu USD) để giúp cho Lào khôi phục phát triển kinh tế. Khối lượng viện trợ tuy không lớn nhưng có xu hướng tăng hàng năm.

1. Về hợp tác nông - lâm nghiệp

Những năm 1992 - 1998, tổng viện trợ của Việt Nam giúp Lào khoảng 295,435 tỷ VNĐ; riêng 1996 - 2000, Việt Nam giúp Lào khoảng 305 tỷ VNĐ (25 triệu USD), trong đó mức tăng trung bình hàng năm là 10%. Số vốn viện trợ cho nông nghiệp thời kỳ 1996 - 2000 là 39086 triệu VNĐ, chiếm 13,2% tổng vốn và cho thuỷ lợi

* Ths. Nguyễn Thị Phương Nam, Học viện Chính trị Khu vực 1

26785 triệu VNĐ, chiếm 9,1% tổng vốn⁽¹⁾. Hợp tác nông nghiệp, thủy lợi chiếm hơn 22% tổng vốn viện trợ đã khẳng định đây là lĩnh vực quan trọng nhằm hỗ trợ bảo đảm lương thực thực phẩm, ổn định đời sống nhân dân, khai thác tốt tiềm năng nông nghiệp.

Trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước, nông - lâm nghiệp là lĩnh vực được chú trọng và có hiệu quả. Việt Nam giúp Lào về: vốn, chuyên gia quy hoạch thủy lợi; xây dựng các điểm nông nghiệp và nông thôn mới; xây dựng các trại giống và chuyển giao các giống cây con có năng suất cao như giống lúa chịu hạn, vải thiều, mận, lợn, gà tam hoàng, bò, dê, vịt siêu trứng... giúp nông dân tạo thói quen sử dụng phân hoá học; xây dựng xí nghiệp sản xuất phân vi sinh tại Viêng Chăn, Khăm Muộn; tổ chức mạng lưới thú y; xây dựng vùng chuyên canh cây công nghiệp như cà phê, cao su... Đến năm 1988, các dự án hợp tác nông nghiệp chiếm 37% tổng số các dự án và chiếm 57% tổng giá trị các dự án của Việt Nam giúp Lào. Quy hoạch tập trung vào phát triển nông - lâm nghiệp một số huyện có chung đường biên giới với Việt Nam như Noong hét (Xiêng Khoảng), Xiêng Khọ (Hủa Phăn), Viêng Khăm (Luông Prabăng); quy hoạch sản xuất lương thực 7 cánh đồng (Viêng Chăn, Chăm pa xắc, Khăm Muộn, Savanaket, Xê Đôn, Atapư, Bolykhamsay; lập dự án khả thi sông Nậm Ngừm (Viêng Chăn); xây dựng mô hình thí điểm phát triển nông thôn mới ở 4 dự án với tổng vốn viện trợ từ năm 1992 - 1998 là 23 tỉ Việt Nam đồng (VNĐ). Tại dự án Lắc Xao với số vốn đầu tư 5.700 triệu VNĐ nhằm mục đích

định canh, định cư cho dân tộc H'mông, cung cấp một số giống lúa mới ngắn ngày, năng suất cao và một số loại rau, cây ăn quả; hoàn chỉnh hệ thống kênh dẫn nước Nậm Thi. ở Phôn Xung, Việt Nam giúp Lào đầu tư 7.800 triệu VNĐ xây dựng các gia đình kiểu mẫu trồng cây ăn quả như táo Gia Lộc, nhãn Hưng Yên, vải thiều; xây dựng mạng lưới thú y đến tận xã và đưa sang Lào các loại vật nuôi có năng suất giá trị cao như gà Tam Hoàng, vịt, dê; xây dựng đập tràn K. Nơn, nâng khả năng tưới từ 10 ha lên 30 ha. Dự án Hạt Xiều liên doanh giữa hai đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng hai nước với nhiệm vụ nuôi cá, lợn, cung cấp thực phẩm cho vùng. Dự án Chăm pa xắc với tổng vốn đầu tư 7.300 VNĐ với nội dung xây dựng trạm giống Phôn Ngam cung cấp tiêu bản cây trồng có giá trị, tập huấn trao đổi kỹ thuật nông nghiệp về trồng trọt, thú y cho nông dân; xây dựng đập thủy lợi Katúp, Phahim, Watthat làm tăng diện tích canh tác từ 12 ha lên 1.000 ha và năng suất từ 1,5 - 2 tấn lên 4 - 4,5 tấn.

Các dự án nông nghiệp bước đầu đã phát huy được tác dụng, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tạo sự ổn định cuộc sống cho người nông dân, giảm bớt tình trạng du canh, du cư, góp phần bảo đảm an ninh vùng biên giới Việt - Lào.

Bước sang giai đoạn 2001 - 2005, Việt Nam viện trợ cho Lào 590 tỷ VNĐ (tăng 5,35% so với kế hoạch), trong đó tập trung cho nông nghiệp 22,75%⁽²⁾. Hợp tác này triển khai cho chương trình an ninh lương thực quốc gia Lào trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất lương thực 7 cánh đồng theo dự án quy hoạch, đầu tư 3 hệ thống

thuỷ lợi lớn như Đông phư xỉ, Thà phạ nọng phong (Viêng Chăn), Nậm Long (Hủa phăn) với số vốn 5 năm là 87.778 triệu VNĐ, điều chỉnh kịp thời, cung cấp 26 tỷ VNĐ thiết bị bơm để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hệ thống thuỷ lợi ở Viêng Chăn. Các công trình này được triển khai khẩn trương để đưa vào sử dụng và được phía Lào đánh giá cao.

Trước yêu cầu thực tiễn hoạt động của các dự án đã bàn giao, trong các năm 2004 - 2005, Việt Nam và Lào đã thoả thuận điều chỉnh một phần vốn viện trợ để duy trì cho hoạt động dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn Chăm pa xắc, duy trì hoạt động trạm thuỷ văn đã giúp Lào trong giai đoạn 1996 - 2000 phục vụ cho hợp tác giữa hai nước, tránh tình trạng bỏ hoang hoá, hỏng hóc, hoạt động không hiệu quả như thời kỳ trước.

Hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp chủ yếu là Việt Nam giúp Lào điều tra, khảo sát, quy hoạch rừng, thiết kế khu khai thác gỗ, đào tạo cán bộ quản lý, thống kê, kế toán, bảo vệ rừng, tổ chức và xây dựng lực lượng điều tra, quy hoạch rừng, hợp tác kinh doanh lâm nghiệp, điều tra quy hoạch rừng phòng hộ, trồng rừng. Hợp tác trong lĩnh vực này đã đem lại kết quả không nhỏ cho cả hai nước.

2. Hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải

Hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp giữa hai nước mới dừng lại ở việc xây dựng một số cơ sở nhỏ song chưa nghiên cứu kỹ nên đã để lại kết quả không tốt như: Xí nghiệp gạch ngói Viêng Chăn, xưởng sản xuất thuỷ tinh, xưởng đồ gốm, sản xuất

thuốc sốt rét từ cây thanh hao hoa vàng...

Trong điều kiện cơ sở vật chất ngành công nghiệp của Lào còn chưa phát triển thì sự kết hợp giữa hai nước để hình thành nên các xí nghiệp công nghiệp liên doanh như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống, may mặc, phân vi sinh... sẽ có tính khả thi cao. Những lĩnh vực này hiện nay Việt Nam có ưu thế hơn và phía Lào cũng thực sự có nhu cầu.

Về xây dựng và giao thông vận tải, từ năm 1991 đến 2000, Việt Nam đã đầu tư xây dựng hàng trăm km đường bộ, hàng trăm cầu, cống vịnh cửa trên các tuyến sang Lào, hỗ trợ các địa phương nâng cấp sửa chữa kho bãi, cầu cảng để tiếp nhận hàng quá cảnh của Lào. Việt Nam tạo điều kiện cho Lào sử dụng các cảng duyên Hải miền Trung (Cửa Lò, Cửa Việt, Vũng Áng, Đà Nẵng), đầu tư các tuyến đường nối Lào với Việt Nam (đường 9, đường 217, đường 43, đường 49, đường Tà Rụt - Lalay...) phục vụ cho việc vận chuyển hàng quá cảnh của Lào qua lãnh thổ Việt Nam. Ngược lại, phía Lào cũng triển khai các tuyến đường bên Lào để tạo điều kiện cho giao lưu kinh tế của Việt Nam sang Lào, đồng thời tích cực tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu các tuyến đường tại Lào như dự án đường 13 Bắc Lào (25,5 triệu USD), đường 13 Nam Lào (10 triệu USD), đường 6 (16 triệu USD), đường 7 (12,6 triệu USD), đường nội thị Viêng Chăn, thuỷ điện Sepiên, Se Nậmnoi.

Từ năm 2001 đến 2005, hai nước hợp tác trong việc đầu tư, nâng cấp các tuyến đường và cửa khẩu qua lại biên giới nhằm

tạo điều kiện phát triển kinh tế giữa Việt Nam và Lào nên đã dành ra 3,65% tổng nguồn vốn viện trợ của Việt Nam dành cho Lào vào việc khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi và xây dựng tuyến đường dài 9 km từ cửa khẩu Tén Tân (Thanh Hoá) đến đường 6 (Hủa phăn), lập báo cáo khả thi tuyến đường dài 75 km từ cửa khẩu Thanh Thủy (Nghệ An) qua Nậm On đến Mường Chăm (Bolykhămxay), báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế kỹ thuật 3 cầu cỡ lớn và trung: Nậm U, Nậm phặc, Nậm Ngà đường 2E (Mường Khoa - cửa khẩu Sốp Hùm) tỉnh Phongxaly.

Hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực giao thông vận tải được đánh giá là hợp tác có hiệu quả, là cơ sở để phát triển toàn diện mọi lĩnh vực hợp tác giữa hai nước, thúc đẩy hội nhập nền kinh tế khu vực, đẩy mạnh mỗi giao lưu kinh tế biên giới, nâng cao trình độ phát triển các vùng sâu, vùng xa của hai nước.

3. Hợp tác trên lĩnh vực bưu chính, viễn thông

Trong lĩnh vực này, hợp tác giữa hai nước còn khiêm tốn bởi so với các nước trong khu vực, trình độ dịch vụ viễn thông của Lào và Việt Nam chưa phát triển. Thậm chí Lào chưa có đường nối trực tiếp với Việt Nam, Campuchia nên liên lạc điện thoại phải qua nước thứ 3 như Ôxtrâyli, Hồng Công nên chi phí đắt, chất lượng kém, khó thông suốt. Hai nước đã phối hợp phát triển bưu chính viễn thông xây dựng tuyến cáp quang nối hai nước tại đoạn Vinh - Lạc Xao, phối hợp lập dự án hợp đồng hợp tác kinh doanh tuyến

cáp quang 6 nước (phần trên lãnh thổ Lào 430 km) với vốn đầu tư 18 triệu USD; nối mạng viễn thông, củng cố và nâng cấp đường bưu chính Hà Nội - Viêng Chăn để rút ngắn thời gian giao nhận bưu phẩm, bưu kiện, thư từ qua lại... giữa hai nước; phối hợp hoàn thành dự án phát hình kênh Việt Nam để phục vụ cho Việt kiều sinh sống tại Lào, và tăng cường mối giao lưu, hiểu biết giữa hai nước.

4. Hợp tác về năng lượng

Lào có tiềm năng thủy điện lớn nhưng mới sử dụng khoảng 1,5% tiềm năng hiện có. Sở dĩ như vậy là do nền kinh tế của Lào chưa phát triển, nhu cầu điện cho sản xuất chưa cao, cơ sở hạ tầng cho tải điện còn thiếu thốn. Vì thế, trước mắt, Việt Nam cung cấp điện cho Lào khoảng 13.000 KWh/năm, ở các tỉnh ven biên giới trên hệ thống đường dây 35 kv Mộc Châu - Sầm Nưa, Lao Bảo - Sê Pôn, Kinh Sơn - Lạc Xao. Hiện nay, mạng lưới điện phía Việt Nam đã đến các điểm biên giới Bờ Y (Kon Tum), Kak Tao (Quảng Nam), Hồng Vân (Thừa Thiên Huế), Cầu Treo (Hà Tĩnh) để sẵn sàng bán điện khi phía Lào cần. Hai nước hợp tác hoàn thành quy hoạch đầu nối mạng điện các tuyến Nậm Mô - Bản Vẽ - Vinh (110 kv), Sêkamản 3 - A Vương - Đà Nẵng (220 kv), Nam Lào - Trạm 500 kv Plâycu (500 kv) chuẩn bị thực hiện thoả thuận nối mạng điện trong thời gian tới.

Trong tương lai, xuất khẩu điện sẽ đem lại thu nhập lớn hàng tỷ USD/năm cho Lào. Việt Nam có tiềm năng dầu khí với triển vọng ra đời của nhà máy lọc dầu sẽ là nguồn cung cấp dầu khí cho Lào phát

triển kinh tế. Hợp tác trong lĩnh vực năng lượng với quy mô lớn và đa dạng sẽ trở thành một trong những nội dung hợp tác quan trọng giữa hai nước.

5. Hợp tác thương mại

Hợp tác thương mại của hai nước chủ yếu bằng đường bộ thông qua 9 cửa khẩu biên giới. Năm 1991, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước đạt 70,66 triệu USD. Năm 1998, tổng kim ngạch trao đổi hàng hoá hai nước đạt 225,1 triệu USD (Việt Nam nhập siêu 107,18 triệu USD)⁽³⁾. Năm 2001 - 2005, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Lào đạt 687,8 triệu USD, bình quân 137,56 triệu USD/năm, trong đó Việt Nam nhập siêu 55,2 triệu USD, bằng 8,02% tổng kim ngạch hàng năm⁽⁴⁾. Năm 2004, kim ngạch thương mại hai nước đạt 142,5 triệu USD, cao nhất của giai đoạn 2001 - 2005. Năm 2004, Việt Nam chiếm khoảng 1/6 số hàng hoá trên thị trường Lào, bằng 14,32% của 562 triệu USD giá trị kim ngạch nhập khẩu của các nước vào Lào và gần 1/4 hàng hoá xuất khẩu của Lào đi các nước (bằng 21,52% của 374 triệu USD giá trị trong số 40 nước nhập khẩu hàng hoá của Lào). Như vậy, kim ngạch hai nước giai đoạn 2001 - 2005 giảm đi so với 1996 - 2000 do phía Việt Nam điều chỉnh chính sách hàng đổi hàng như gỗ, xe máy có giá trị cao (năm 1998 - 1999) và phía Lào cấm xuất khẩu gỗ tròn (năm 2000), gỗ xẻ (năm 2002) nhưng đã phản ánh thực chất quan hệ trao đổi hàng hoá và khai thác được các mặt hàng có thể mạnh, góp phần thúc đẩy sản xuất của mỗi nước. Hai bên cũng đã điều chỉnh giảm 50% thuế suất thuế nhập khẩu cho

hàng hoá từ mỗi nước như bổ sung 12 mặt hàng có xuất xứ từ Lào vào Việt Nam (năm 2003); xoá bỏ danh mục, số lượng, giá trị và mở rộng cho tất cả hàng hoá có xuất xứ từ mỗi nước (năm 2004); thống nhất danh mục hàng hoá giảm 0% thuế suất thuế nhập khẩu (năm 2005). Vì thế, kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước vào năm 2004 - 2005 đã được cải thiện hơn.

Trong những năm 90 (thế kỷ XX), thị phần hàng hoá của Việt Nam tại Lào chưa lớn, mới chiếm khoảng 30% thị phần Trung và Nam Lào, 20% thị phần Bắc Lào. Xuất nhập khẩu chính ngạch của Việt Nam với Lào chỉ chiếm 17% thương mại biên giới, trong khi với Trung Quốc 71,2%, Campuchia 11,8%. Xuất nhập khẩu tiểu ngạch giữa Việt Nam với Lào là 3,7%, với Trung Quốc 70,9%, Campuchia 25,4%⁽⁵⁾. Năm 2004, thị phần hàng của Việt Nam vào Lào vẫn chỉ chiếm 14,32% là chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của hai bên đồng thời, phản ánh sức cạnh tranh của Việt Nam trên đất Lào còn thấp.

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Lào chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xi măng, sắt thép xây dựng, xăng dầu, đồ gia dụng bằng nhựa, quần áo may sẵn, thực phẩm... Hàng nhập khẩu vào Việt Nam từ Lào gồm các loại linh kiện, gỗ, lâm sản...

6. Về lĩnh vực đầu tư

Hai nước hợp tác liên doanh, liên kết, cùng bỏ vốn phát triển các ngành sản xuất và kinh doanh giữa các bộ, ngành, địa phương là hình thức hợp tác mới phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay của hai nước. Phía Việt Nam có các công ty đầu tư

trực tiếp cho sản xuất như hàng nhựa, dệt kim, bột giấy và giấy, vật liệu xây dựng, trồng cà phê của tỉnh Kon Tum và Chăm pa xắc, trồng và chế biến cà phê của Tổng Công ty cà phê Việt Nam, sản xuất lợn giống, cá giống ở tỉnh Viêng Chăn, dự án thương mại du lịch của tỉnh Sơn La nhằm tận dụng thế mạnh nguyên vật liệu, nhân lực sẵn có của Lào.

Đầu tư trực tiếp của Lào vào Việt Nam đến cuối năm 2005 là 6 dự án với vốn đóng góp của phía Lào là 4,3 triệu USD, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực giao thông vận tải, bưu điện chiếm 67,3%, tài chính ngân hàng chiếm 31,1% vốn đầu tư, còn lại là công nghiệp khai thác mỏ và chế biến thực phẩm⁽⁶⁾. Đến năm 2007, đầu tư của các công ty Lào tại Việt Nam là 7 dự án với tổng giá trị 16.739.528 USD, vốn đăng ký gồm 11.009.527 USD⁽⁷⁾.

Đầu tư của Việt Nam sang Lào từ năm 1989 đến tháng 5/2007 là 106 dự án, tổng giá trị 516.892.549 USD, trong đó Việt Nam đầu tư 100% có 64 dự án với tổng giá trị 453.025.213 USD và có 42 dự án liên doanh, tổng giá trị 63.867.336 USD, chủ yếu tập trung vào nông nghiệp, chế biến gỗ, điện năng, khảo sát và khai thác mỏ, sản xuất dược phẩm, thương mại, dịch vụ⁽⁸⁾. Tính riêng từ năm 1998 đến cuối năm 2005, Việt Nam cấp phép vào Lào là 34 dự án với số vốn đăng ký 18,8 triệu USD, tập trung vào công nghiệp với 13 dự án, chiếm 38% tổng số dự án và 8,8 triệu USD (bằng 47% tổng vốn đầu tư); nông nghiệp chiếm 11 dự án với 6,5 triệu USD, chiếm 34,7% vốn đầu tư; các lĩnh vực dịch vụ và đầu tư khác chiếm 10 dự án với số vốn 3,45 triệu USD, chiếm

13,78% số vốn. Từ năm 2000 đến 2007, đầu tư của Việt Nam đứng thứ 3/37 nước đang đầu tư ở Lào⁽⁹⁾.

7. Về hợp tác du lịch

Tiềm năng du lịch của hai nước phong phú, đa dạng có thể bổ sung cho nhau thúc đẩy kinh tế phát triển. Trong những năm 1986 - 1991, hai nước đã ký kết các Hiệp định hợp tác du lịch tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển thông qua trao đổi văn hoá và khách du lịch. Hợp tác du lịch Việt - Lào liên hoàn với du lịch Đông Dương: "Ba đất nước - một điểm đến" và Thái Lan - Mianma - Trung Quốc. Cửa khẩu Lao Bảo - Huôikali mở từ năm 1994 và cửa khẩu Cầu Treo - Nape luôn đón khách du lịch của nước thứ ba qua hai nước. Lượng khách du lịch qua lại giữa hai nước ngày một tăng. Năm 1997 có khoảng 75.000 người du lịch đến Lào, trong đó khách Việt Nam là 65.000 người, khách Lào sang Việt Nam là 10.000 người. Năm 1999, Tổng Cục Du lịch hai nước ký chương trình hợp tác du lịch Việt - Lào giai đoạn 1999 - 2000. Các doanh nghiệp Việt Nam triển khai xây dựng khách sạn, nhà hàng tại Lào, đã có 15 Công ty Việt Nam ký hợp đồng kinh doanh du lịch với 14 Công ty lữ hành của Lào. Giao lưu du lịch giữa hai bên chủ yếu qua hệ thống cửa khẩu biên giới. Hoạt động du lịch giữa hai nước tại các tỉnh biên giới tăng lên góp phần thu hút lao động tại chỗ, thúc đẩy sản xuất của địa phương, tạo ngành nghề mới, tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy giao thông phát triển.

Trong việc hợp tác kinh tế quốc tế,

Việt Nam và Lào còn luôn tìm được tiếng nói chung, phối hợp hỗ trợ và ủng hộ lẫn nhau một cách có hiệu quả trên các diễn đàn trong việc chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế: ASEAN, GMS, APEC, WTO...

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong hợp tác kinh tế giữa hai nước, hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần khắc phục để đưa quan hệ này lên một tầm cao mới.

Trước bối cảnh mới của tình hình quốc tế và trong nước, quan hệ hợp tác kinh tế Việt - Lào đứng trước yêu cầu khách quan cần đổi mới về nội dung, phương thức, cơ chế hợp tác theo hướng chú trọng đặc biệt tới thực chất hiệu quả, nâng cao chất lượng và coi hợp tác kinh tế là nền tảng cơ bản lâu dài cho quan hệ giữa hai nước. Trong quan hệ toàn diện, hợp tác chính trị - an ninh đã tạo lập môi trường thuận lợi cho sự nghiệp đổi mới và thực sự đóng vai trò mở đường thúc đẩy các quan hệ kinh tế - thương mại - đầu tư - du lịch ngày càng đi vào chiều sâu có hiệu quả. Đồng thời, hợp tác kinh tế cũng góp phần củng cố và phát triển quan hệ chính trị - an ninh ngày càng tương xứng với tầm vóc của mối quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa hai nước. Sự trường tồn của quan hệ Việt - Lào chỉ có thể được phát huy trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, tránh áp đặt, rập khuôn, thực hiện hợp tác bình đẳng, hai bên cùng có lợi kết hợp với ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau. Quan hệ Việt Nam - Lào đang trở thành quan hệ đối tác chiến lược và hợp tác toàn diện, phát triển bền vững trong tương lai./.

CHÚ THÍCH

1. Báo cáo tổng hợp đề án chiến lược hợp tác và chương trình hợp tác dài hạn giữa CHXHCNVN và CHDCND Lào từ năm 2001 đến năm 2010, Hà Nội, tháng 9/2000, tr.5.
2. Đánh giá về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa chính phủ nước CHXHCNVN và Chính phủ CHDCND Lào giai đoạn 2001 - 2005, tr. 1. (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
3. Báo cáo tổng hợp đề án chiến lược hợp tác và chương trình hợp tác dài hạn giữa CHXHCNVN và CHDCND Lào từ năm 2001 đến năm 2010, Hà Nội, tháng 9/2000, tr.16 - 17.
4. Đánh giá về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước CHXHCNVN và Chính phủ CHDCND Lào giai đoạn 2001 - 2005, tr. 5 -7. (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
5. Báo cáo tổng hợp đề án chiến lược hợp tác và chương trình hợp tác dài hạn giữa CHXHCNVN và CHDCND Lào từ năm 2001 đến năm 2010, Hà Nội, tháng 9/2000, tr.16 - 17.
6. Đánh giá về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa chính phủ nước CHXHCNVN và Chính phủ CHDCND Lào giai đoạn 2001 - 2005, tr. 7. (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
7. *Tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Lào*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 535.
8. *Tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Lào*, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 535.
9. *Tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Lào*, nNb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 535.